Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Nukote Metal Prime I, Mặt B

Ngày 11 tháng 2 năm 2020

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	10-1014FF00077		
Tên sản phẩm:	Nukote Metal Prime I, Mặt B		
Ngày sửa đổi:	Ngày 11 tháng 2 năm 2020	Ngày in:	Ngày 11 tháng 2 năm 2020
Phiên bản:	1.0	Ngày thay thế:	Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote		
Địa chỉ :	2051 Đường Reliance, Bedford, TX 76021		
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản: CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản: CCN1217)		
Thông tin Điện thoại:	832-770-7100		

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm lặp lại - Loại 2

Kích ứng da - Loại 2

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1B

Gây ung thư - Loại 2

Độc tính sinh sản - Loại 2

Kích ứng mắt - Loại 2

Chất lỏng dễ cháy loại 2

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 3

Độc tính mãn tính trong nước - Loại 3

Độc tính cấp tính Loại da 5

Độc tính cấp tính Đường uống Loại 5

Biểu tượng:



Từ tín hiệu:

Sự nguy hiểm

Các tuyên bố nguy hiểm - Vật lý:

H225 - Chất lỏng và hơi dễ cháy cao

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H303 - Có thể gây hại nếu nuốt phải

H313 - Có thể gây hại khi tiếp xúc với da

H373 - Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H315 - Gây kích ứng da

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H361 - Nghi ngờ gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi (nêu tác động cụ thể nếu biết) (nêu đường phơi nhiễm nếu có bằng chứng thuyết phục rằng không có đường phơi nhiễm nào khác gây ra nguy cơ)

Machine Translated by Google

Tác động tiềm ẩn về sức khỏe (hoặc dấu hiệu ra nguy hiểm)

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trư ờng:

H402 - Có hại cho sinh vật thủy sinh

H412 - Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung:

P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trư ớc khi sử dụng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P210 - Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Không hút thuốc.

P273 - Tránh thải ra môi trư ờng.

P233 - Giữ bình chứa đóng chặt.

P240 - Nối đất/liên kết thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.

P241 - Sử dụng thiết bị chống cháy nổ [điện/thông gió/chiếu sáng/...].

P242 - Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa.

P243 - Thực hiện hành động để ngăn ngừa phóng tĩnh điện.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P272 - Không đư ợc phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơ i làm việc.

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P303 + P361 + P353 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nư ớc [hoặc tắm].

P370 + P378 - Trong trư ờng hợp hỏa hoạn: Kiểm tra Mục 5 (Biện pháp chữa cháy)

P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P332 + P313 - Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại.

P333 + P313 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P308 + P313 - NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337 + P313 - Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P235 - Giữ mát.

P403 - Bảo quản nơ i thông thoáng.

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% theo Trọng lư ợng
0014808-60-7	Silica, tinh thể	21% - 38%

Machine Translated by Google

0007727-43-7	BARI SULFAT	14% - 27%
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	8% - 15%
0000100-51-6	CỒN BENZYL	7% - 13%
0135108-88-2	FORMALDEHYDE, POLYMER VỚI BENZENAMINE, HYDRO HÓA	7% - 12%
0001330-20-7	XYLEN	4% - 8%
0068953-36-6	AXIT BÉO, DẦU TALL, SẢN PHẨM PHẢN ỨNG VỚI TETRAETHYLENEPENTAMINE	3% - 6%
0000100-41-4	Ethylbenzen	1,1% - 2,0%
0000112-57-2	TETRAETHYLENEPENTAMINE	0,7% - 1,2%
0001477-55-0	METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS	0,5% - 0,9%
0000108-88-3	TOLUEN	Dấu vết

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯƠNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đưa nạn nhân ra nơi có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.

Nếu bị phơi nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Tiếp xúc với da:

Rửa sạch/rửa bằng nước ấm chảy nhẹ và xà phòng nhẹ trong 15-20 phút hoặc cho đến khi sản phẩm được loại bỏ. Nếu da bị kích ứng hoặc bạn cảm thấy không khỏe: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đưa người đó ra nơi thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nước ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nước bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hưởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 3 hoặc 4 cốc nước. Không bao giờ cho người bất tỉnh uống bất cứ thứ gì.

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nước carbon dioxide hoặc sương mù. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo thiết bị thở tự cung cấp áp suất bảo vệ (SCBA) và đồ bảo hộ đầy đủ.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Machine Translated by Google

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.

Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

Những người mắc bệnh về đường hô hấp như viêm phế quản mãn tính, khí phế thũng hoặc hen suyễn không nên tiếp xúc với chất này.

Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Yêu cầu về phòng lưu trữ:

Đóng chặt hộp đựng và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp và những thứ không tương thích. Bảo quản trong hộp đựng được chấp thuận và tránh hư hỏng vật lý. Giữ hộp đựng được đậy kín khi không sử dụng.
Lưu trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải được niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm.

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơi ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tương tự trên hoặc gần thùng chứa.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nước và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay được chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan được làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn. Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải được lựa chọn theo nồng độ và lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ người lao động, cần tuân theo chương trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tương đương với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Ở những khu vực thông gió kém, nên sử dụng mặt nạ phòng độc được NIOSH chấp thuận cho hơi hữu cơ trong các trường hợp sau: tình huống khẩn cấp, khi nồng độ hơi sản phẩm lớn hơn 20 ppm trong thời gian dài hơn 15 phút, trong quá trình sửa chữa và vệ sinh thiết bị, trong quá trình chuyển hoặc xả sản phẩm.

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơi trong không khí ở mức dưới ngưỡng giới hạn tương ứng.

Machine Translated by Google

Tên hóa học	OSHA HAI (phần triệu)	OSHA HAI (mg/m3)	OSHA STEL (ppm)	OSHA STEL (mg/m3)	OSHA-Bảng-Z1,2,3	OSHA Chất gây ung thư	OSHA Chỉ định da	HAI (phần triệu)	HAI (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư
BARI SULFAT		[15]; [5(a)];			1				10.5a			
Ethylbenzen	100	435			1			100	435	125	545	
METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS												
Silic, KẾT TINH	Một	[10 mg/m3 phần trăm SiO2+2 / 250 phần trăm SiO2+5 mppcf]; [30 mg/m3 phần trăm SiO2+2];			1,3				0,05e			1
TITANIUM DIOXIDE		15			1			b				1
TOLUEN	200 (a)/ 300 trần nhà	0,2	500ppm/ 10 phút (a)		1,2			100	375	150	560	
XYLEN	100	435			1			100	435	150	655	

Tên hóa học	TWA (ppm)	TWA (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư	Cơ sở TLV	Ghi chú
BARI SULFAT		5 (Tối)(E)			A4	Viêm phổi niosis	A4
Ethylbenzen	20				A3	URT irr;Đập thận (bệnh thận Anh ta); khiếm khuyết ốc tai	A3; BẠC
METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS				C0,1		Mắt, da, GI irr	Da
Silic, KẾT TINH		0,025 (R)			A2	Xơ phổi; ung thư phổi	A2
TITANIUM DIOXIDE		10			A4	LRT kích hoạt	A4
TOLUEN	20	0,2			A4	khiếm thị; sinh sản nữ; mất thai	A4; TẠI
XYLEN	100	434	150	651	A4	URT & kích ứng mắt; CNS imapir	A4; TẠI

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	15,31 pound/gallon
Trọng lư ợng riêng	1,83
Quy định VOC	0,00 lb/gallon
VOC Phần A & B	1,67 pound/gallon
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng màu trắng mỏng
Ngư ỡng mùi	Không có

Machine Translated by Google

Mô tả mùi	Thơ m
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nư ớc	Không có
Tính dễ cháy	Không có
Biểu tư ợng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	40 °C
Độ nhớt	Không có
Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Không có
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	121 °C
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	Không có
Tốc độ bốc hơ i	Không có
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với epoxy, isocyanat và các chất oxy hóa mạnh. Một số phản ứng có thể dữ dội.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Gây kích ứng da

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Bất kỳ tiếp xúc nào cũng không đư ợc bỏ qua mà không xử lý.

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Tiếp xúc có thể gây kích ứng niêm mạc và đư ờng hô hấp, tức ngực, đau đầu, khó thở và ho khan. Các tác động của tiếp xúc cấp tính có thể chậm trễ trong quá trình khởi phát lên đến 12-24 giờ. Tiếp xúc nhiều lần vư ợt quá giới hạn nghề nghiệp hiện tại có thể gây ra tình trạng nhạy cảm dị ứng ở đư ờng hô hấp. Điều này đư ợc đặc trư ng bởi phản ứng giống như hen suyễn khi tiếp xúc lại với hóa chất. Các triệu chứng có thể bao gồm ho, thở khò khè, khó thở và tức ngực.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây ung thư :

Nghi ngờ gây ung thư .

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Nghi ngờ gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi (nêu tác động cụ thể nếu biết) (nêu đư ờng phơ i nhiễm nếu có bằng chứng thuyết phục rằng không có đư ờng phơ i nhiễm nào khác gây ra nguy hiểm)

Machine Translated by Google

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Tiếp xúc nhiều lần thư ờng làm trầm trọng thêm các tình trạng bệnh lý sau: Bệnh tim mạch và Bệnh hô hấp mãn tính.

Có thể gây tổn thư ơng các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Nếu nuốt phải: Ở ngư ời, sau khi nuốt phải có thể gây kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày, tổn thư ơng có thể nghiêm trọng và gây tử vong.

0001330-20-7 XYLEN

LC50 (chuột): 6350 ppm (phơ i nhiễm trong 4 giờ) (đồng phân không xác định và etylbenzen) (1)LC50 (chuột): 6700 ppm (phơ i nhiễm trong 4 giờ) (65% m -xylen, 7,6% o-xylen, 7,8% p-xylen, 19,3% etylbenzen) (2) etylbenzen) (1)
LC50 (chuột): 6700 ppm (phơ i nhiễm trong 4 giờ) (65% m-xylen, 7,6% o-xylen, 7,8% p-xylen, 19,3% etylbenzen)(2)

LD50 (uống, chuột): 5400 mg/kg (52% m-, 19% o-, 24% p-) (1)LD50 (uống, chuột cái): 5251 mg/kg (60,2% m-, 9,1% o-, 14,6% p-, 17,0% etylbenzen) (4)

LD50 (uống, chuột đực): 5627 mg/kg (60,2% m-, 9,1% o-, 14,6% p-, 17,0% etylbenzen) (4)
LD50 (da, thỏ): 12180 mg/kg (m-xylen); lớn hơ n 1700 mg/kg (xylen hỗn hợp - thành phần không xác định) (3)
LD50 (uống, chuột cái): 5251 mg/kg (60,2% m-, 9,1% o-, 14,6% p-, 17,0% etylbenzen) (4)
LD50 (uống, chuột đực): 5627 mg/kg (60,2% m-, 9,1% o-, 14,6% p-, 17,0% etylbenzen) (4)
LD50 (da, thỏ): 12180 mg/kg (m-xylen); lớn hơ n 1700 mg/kg (xylen hỗn hợp - thành phần không xác định) (3)

0000108-88-3 TOLUEN

LC50 (chuột): 8800 ppm (phơ i nhiễm trong 4 giờ) (2)
LC50 (chuột): 6000 ppm (phơ i nhiễm trong 6 giờ) (3)

LD50 (uống, chuột): 2600 đến 7500 mg/kg (3,5,11,17)
LD50 (uống, chuột sơ sinh): dư ới 870 mg/kg (3)
LD50 (da, thỏ): 12.225 mg/kg (đư ợc báo cáo là 14,1 ml/kg) (1)

0000100-41-4 Ethylbenzen

LC50 (hít phải, chuột): 4000 ppm; tiếp xúc trong 4 giờ (3)

LD50 (uống, chuột): 3,5 g/kg (1,3,5,10)
LD50 (uống, chuột): 4,72 g/kg (3,5,7,8)
LD50 (da, thỏ): 17,8 g/kg (11)

Tiếp xúc mãn tính

0000100-41-4 ETYLBENZEN

TÁC DỤNG GÂY UNG THƯ : Ethyl Benzene đã đư ợc IARC xếp vào Nhóm 2B, có khả năng gây ung thư cho con ngư ời.

TÁC DỤNG GÂY QUÁI VẬT: Ethyl Benzen đư ợc phân loại là CÓ THỂ GÂY RA cho con ngư ời.

0000108-88-3 TOLUEN

TÁC DỤNG GÂY QUÁI VẬT: Toluene đư ợc phân loại là CÓ THỂ GÂY RA cho con ngư ời.

0001330-20-7 XYLEN

Xylene ở nồng độ cao có thể gây ra tác dụng độc hại cho phôi thai ở động vật thí nghiệm.

Xylene ở nồng độ cao có thể gây ra tác dụng độc hại cho phôi thai ở động vật thí nghiệm.

Một số nghiên cứu trên động vật cho thấy phơ i nhiễm Xylene ở mức độ cao có thể gây ảnh hư ởng đến sức khỏe của phôi thai/thai nhi đang phát triển.

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Hít phải bụi silic tinh thể trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi (tức là bệnh bụi phổi silic và/hoặc ung thư phổi). Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe - Khác

0000100-41-4 ETYLBENZEN

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Có thể quan sát thấy khả năng nhạy cảm cao hơ n với tác động của vật liệu này ở những ngư ời mắc bệnh từ trư ớc của bất kỳ bệnh nào sau đây: hệ thần kinh trung ư ơ ng, thận, gan, phổi. Tiếp xúc quá mức thư ờng xuyên có thể dẫn đến tổn thư ơ ng gan và thận. Các nghiên cứu trên động vật thí nghiệm đã chỉ ra các tác động đến khả năng sinh sản, phôi thai và phát triển. CẢNH BÁO: Hóa chất này đư ợc Tiểu bang California biết đến là nguyên nhân gây ung thư .

0000108-88-3 TOLUEN

Có thể quan sát thấy khả năng nhạy cảm cao hơ n với tác động của vật liệu này ở những ngư ời mắc bệnh từ trư ớc của bất kỳ bệnh nào sau đây: hệ thần kinh trung ư ơ ng, thận, gan, hệ hô hấp, da. Có thể hấp thụ qua da với lư ợng có hại. Tiếp xúc quá mức thư ờng xuyên có thể dẫn đến tổn thư ơ ng gan và thận. Nồng độ cao trong không khí đã gây ra nhịp tim không đều ở động vật và thỉnh thoảng gây hồi hộp ở ngư ời. Chuột tiếp xúc với nồng độ rất cao trong không khí đã biểu hiện tình trạng khiếm khuyết về thính giác tần số cao. Tầm quan trọng của điều này đối với con ngư ời vẫn chư a đư ợc biết. CẢNH BÁO: Hóa chất này đư ợc Tiểu bang California biết đến là gây ra dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại sinh sản khác.

Machine Translated by Google

0001330-20-7 XYLEN

Có thể quan sát thấy khả năng nhạy cảm tăng lên với các tác động của vật liệu này ở những ngư ời mắc bệnh từ trư ớc của bất kỳ bệnh nào sau đây: tủy xư ơ ng, hệ tim mạch, hệ thần kinh trung ư ơ ng, thận, gan, phổi. Tiếp xúc quá mức thư ờng xuyên có thể dẫn đến tổn thư ơ ng gan và thận. Tiếp xúc nhiều có thể gây ra nhịp tim không đều. Canada phân loại Xylene là độc tố phát triển vì tiếp xúc nhiều với xylene trong một số nghiên cứu trên động vật đã đư ợc báo cáo là gây ra các tác động đến sức khỏe của thai nhi/phôi đang phát triển. Những tác động này thư ờng ở mức độ độc hại đối với động vật trư ởng thành. Tầm quan trọng của những tác động này đối với con ngư ời vẫn chư a đư ợc biết. Tiếp xúc với da nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây ra bất kỳ tác động nào sau đây: kích ứng, khô, nứt da.

0013463-67-7 TITANIUM DIOXIDE

Là chất gây ung thư của IARC, NTP hoặc OSHA. Trong một thử nghiệm hít phải suốt đời, ung thư phổi đã đư ợc tìm thấy ở một số con chuột tiếp xúc với 250 mg/m3 bụi titan có thể hít vào. Phân tích nồng độ titanium dioxide trong phổi của chuột cho thấy cơ chế thanh thải phổi bị quá tải và kết quả ở mức 250 mg/m3 lớn không liên quan đến nơ i làm việc. Kết quả của một nghiên cứu dịch tễ học của DuPont cho thấy những nhân viên đã tiếp xúc với Titanium Dioxide không có nguy cơ mắc ung thư phổi cao hơ n những nhân viên chư a tiếp xúc với Titanium Dioxide. Không có xơ phổi nào đư ợc tìm thấy ở bất kỳ nhân viên nào và không có mối liên hệ nào đư ợc quan sát thấy giữa việc tiếp xúc với Titanium dioxide và bệnh hô hấp mãn tính hoặc bất thư ờng trên phim chụp X-quang. Dựa trên kết quả của nghiên cứu này, DuPont kết luận rằng titanium dioxide sẽ không gây ung thư phổi hoặc bệnh hô hấp mãn tính ở ngư ời ở nồng độ đã trải qua tại nơ i làm việc.

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Tiếp xúc quá nhiều với silica tinh thể nhiều lần có thể dẫn đến thay đổi hình ảnh chụp X-quang và bệnh phổi mãn tính. Hít phải nồng độ bụi cao có thể gây ra: khó thở, tổn thư ơ ng phổi. CẢNH BÁO: Tiểu bang California biết rằng hóa chất này có thể gây ung thư .

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Có hại cho sinh vật dư ới nư ớc

Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học:

Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơ ng.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Không đư ợc quy định

Thông tin IMDG:

Số UN/NA: 1263
Tên giao hàng: PAINT
Lớp nguy hiểm: 3 Nhóm đóng gói: III
Biển báo: Dễ cháy
Chất gây ô nhiễm biển: Không có dữ liệu

Thông tin IATA:

Machine Translated by Google

Số UN/NA: 1263

Tên giao hàng: PAINT

Lớp nguy hiểm: 3 Nhóm đóng gói: III

Biển báo: Dễ cháy

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lượng	Danh sách quy định
0000100-41-4	Ethylbenzen	1,1% - 2,0%	CERCLA,HAPS,SARA312,SARA313,VHAPS,VOC,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0000100-51-6	CỒN BENZYL	7% - 13%	SARA312, VOC, TSCA
0000108-88-3	TOLUEN	0,0%	CERCLA,HAPS,SARA312,SARA313,VHAPS,VOC,TSCA,RCRA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0000112-57-2	TETRAETHYLENEPENTA CỦA TÔI	0,7% - 1,2%	SARA312, VOC, TSCA
0001330-20-7	XYLEN	4% - 8%	CERCLA, HAPS, SARA312, SARA313, VHAPS, VOC, TSCA, RCRA
0001477-55-0	METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS	0,5% - 0,9%	SARA312,TSCA
0007727-43-7	BARI SULFAT	14% - 27%	SARA312,TSCA
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	8% - 15%	SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0014808-60-7	Silica, tinh thể	21% - 38%	SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0068953-36-6	AXIT BÉO, DẦU TALL, SẢN PHẨM PHẢN ỨNG VỚI TETRAETHYLENEPENTA CỦA TÔI	3% - 6%	SARA312,TSCA
0135108-88-2	FORMALDEHYDE, POLYMER VỚI BENZENAMINE, HYDRO HÓA	7% - 12%	SARA312,TSCA

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

Lưu ý: Theo GHS, loại 1 là mức độ nguy hiểm cao nhất trong mỗi loại.

BẢNG THUẬT NGỮ:

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nước; EC- Nồng độ tương đương; EH40 (Anh)- Ghi chú hướng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết người; LD- Liều gây chết người; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơi nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ
- Ủy ban Chất lượng Môi trường Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngưỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA
- Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của người dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chưa biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm được mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đưa ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.